



CẬP NHẬT NHANH NGÂN HÀNG HỖ TRỢ THANH KHOẢN

Lợi thế cho nhóm ngân hàng có chi phí vốn thấp và khả năng cải thiện LDR

07.2026



Chính sách hỗ trợ tăng trưởng nhưng không phải nổi lòng đại trà

KẾT LUẬN

TÍCH CỰC CÓ CHỌN LỌC

Tác động chính đến ngành nằm ở việc giảm các ràng buộc kỹ thuật về thanh khoản, kỳ hạn vốn và room tín dụng ưu tiên; không đồng nghĩa nổi đại trà.

HÀNH ĐỘNG

Ưu tiên nhóm có CASA cao, chi phí vốn thấp, NIM tốt, cải thiện được LDR và còn dư địa mở rộng tín dụng.

LDR mềm hơn

tiền gửi KBNN được tính 20%

Trần vốn TDH

từ 30% lên 40%

Room có chọn lọc

NOXH, KCN, KCX, dự án trọng điểm

01 | Sự kiện

TT08, TT25, CV4551 và CV5386 cùng tháo bớt nút thắt LDR, kỳ hạn vốn và room tín dụng ưu tiên.

02 | Tác động

Tín dụng có thêm dư địa chảy vào NOXH, KCN/KCX, hạ tầng và dự án quy mô lớn có tính lan tỏa.

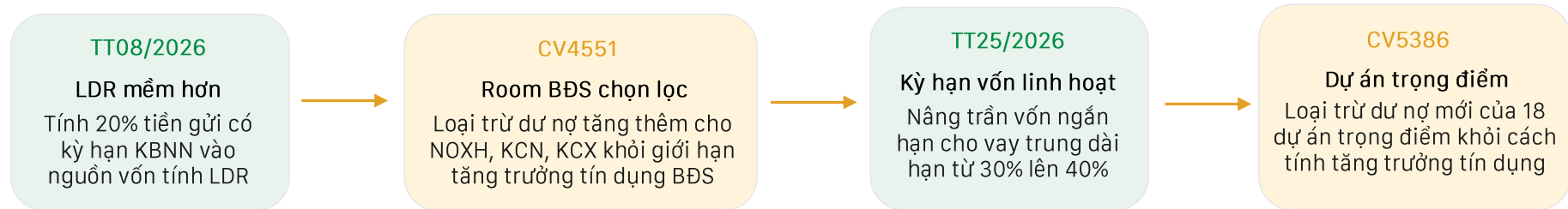
03 | Cổ phiếu

MBB, CTG, VCB hưởng lợi rõ nhất; VCB, CTG. BID hưởng lợi hệ thống;

Ma trận tác động chính sách

Tác động	Ngắn hạn	Trung hạn	Nhóm hưởng lợi
Thanh khoản / LDR	Tích cực	Tích cực	VCB, BID, CTG
Chi phí vốn / NIM	Ổn định	Tích cực	MBB, TCB, VCB
Tín dụng ưu tiên	Chọn lọc	Tích cực	MBB, VCB, BID, CTG
Rủi ro nợ xấu	Theo dõi	Theo dõi	Nhóm CoF cao

Điểm chung là giảm ràng buộc kỹ thuật, nhưng vẫn giữ nguyên nguyên tắc kiểm soát rủi ro



Kênh thanh khoản

Nhóm có tiền gửi KBNN lớn hưởng lợi rõ hơn: giảm áp lực LDR và phát hành giấy tờ có giá;

Kênh tín dụng

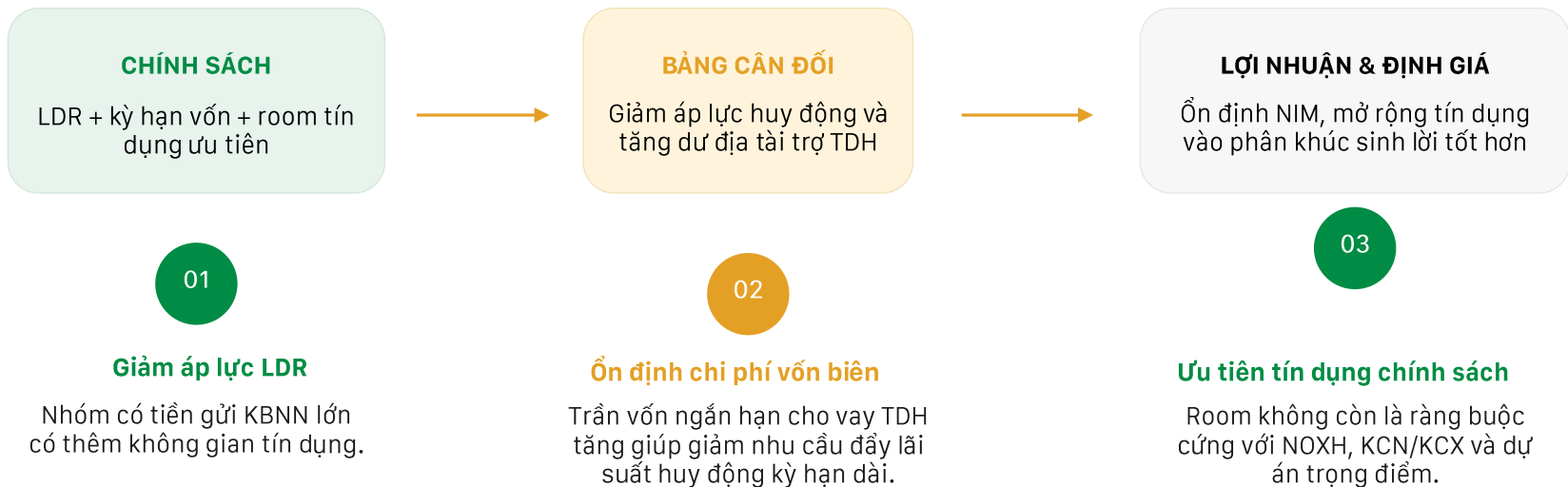
Mở thêm dư địa cho vay trung dài hạn vào các lĩnh vực ưu tiên và dự án có tính lan tỏa.

Kênh định giá cổ phiếu

Cổ phiếu hưởng lợi khi chất lượng chi phí vốn và dư địa tăng trưởng tín dụng cùng xuất hiện.

Thông điệp chính: chính sách hỗ trợ tăng trưởng có kiểm soát, không thay thế quy trình thẩm định tín dụng và quản trị rủi ro vốn.

Tác động đi qua ba lớp: thanh khoản – chi phí vốn – năng lực mở rộng tín dụng



Hàm ý: cùng một chính sách, ngân hàng có CASA cao và chi phí vốn thấp sẽ chuyển hóa thành lợi nhuận tốt hơn ngân hàng phải "mua" tăng trưởng bằng lãi suất huy động cao.

Theo Điều 20 TT22/2019, cập nhật bởi TT08/2026 và TT25/2026: LDR tối đa 85%; tiền gửi KBNN có kỳ hạn được tính một phần vào mẫu số

$$\text{LDR (\%)} = \frac{L}{D} \times 100\%$$

≤ 85%

L = Tổng dư nợ cho vay

Bao gồm dư nợ cho vay cá nhân/tổ chức và khoản ủy thác cho vay; trừ một số khoản như cho vay từ nguồn ủy thác chịu rủi ro bởi bên ủy thác, vốn vay nước ngoài, tái cấp vốn NHNN theo quy định.

D = Tổng tiền gửi

Bao gồm tiền gửi tổ chức/cá nhân và huy động qua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu sau các khoản loại trừ.

Điểm mới trọng yếu ở mẫu số D

Tiền gửi không kỳ hạn của KBNN vẫn loại trừ. Với tiền gửi có kỳ hạn của KBNN: loại trừ 80% số dư hoặc tỷ lệ khác do Thống đốc NHNN quyết định từng thời kỳ.

Cách hiểu nhanh

Nếu loại trừ 80%, ngân hàng được tính 20% tiền gửi có kỳ hạn KBNN vào mẫu số LDR. Mẫu số tăng → LDR giảm kỹ thuật → bớt áp lực thanh khoản.

01

Tăng D

Một phần tiền gửi KBNN có kỳ hạn được tính vào tổng tiền gửi.

02

LDR giảm kỹ thuật

Cùng mức dư nợ cho vay, mẫu số lớn hơn làm tỷ lệ LDR thấp hơn.

03

Dư địa tín dụng

Ngân hàng giảm áp lực huy động lãi suất cao để giữ tỷ lệ an toàn.

Lưu ý

LDR chỉ là một tỷ lệ an toàn thanh khoản. Tín dụng vẫn chịu giới hạn room, chất lượng tài sản, CAR và khẩu vị rủi ro từng ngân hàng.

Cơ chế tính 20% tiền gửi KBNN có kỳ hạn vào mẫu số LDR giúp giảm áp lực thanh khoản kỹ thuật

Tác động trực tiếp

Tiền gửi KBNN được tính 20%
Mẫu số LDR tăng kỹ thuật



Áp lực huy động giảm
Không cần đẩy mạnh lãi suất cao



NIM được bảo vệ tốt hơn
Dư địa tín dụng duy trì ổn định

Nhóm hưởng lợi chính

VCB

CASA 32,6%
CoF 2,4%
NIM 2,9%
LDR 85%

Lợi thế chi phí
vốn và chất lượng
tài sản vượt trội

CTG

CASA 24,1%
CoF 3,3%
NIM 2,9%
LDR 84%

Tác động chính là
giảm ràng buộc
thanh khoản hệ
thống

BID

CASA 19,5%
CoF 3,4%
NIM 2,3%
LDR 85%

Quy mô lớn - Hỗ
trợ tăng trưởng
tín dụng ổn định
hơn

Kết luận

VCB phù hợp với luận điểm hưởng lợi phòng thủ; BID và CTG hưởng lợi ở khả năng duy trì tín dụng với áp lực thanh khoản thấp hơn, nhưng biên lợi nhuận không bật mạnh như nhóm tư nhân CASA cao.

*Tiền gửi KBNN có kỳ hạn ghi nhận tại thời điểm cuối quý 1/2026 tại 3 ngân hàng nhà nước ghi nhận 185 nghìn tỷ đồng – tăng 38% so với cuối năm 2025

TRẦN VỐN NGẮN HẠN CHO VAY TRUNG DÀI HẠN TĂNG LÊN 40% (1/2)



Giảm áp lực phát hành giấy tờ có giá và huy động kỳ hạn dài khi tín dụng TDH phục hồi

Trước
30%
vốn ngắn hạn cho vay TDH



Sau TT25/2026
40%
mở thêm dư địa kỳ hạn

Ý nghĩa tài chính

Giảm áp lực phát hành giấy tờ có giá, chứng chỉ tiền gửi hoặc tăng lãi suất huy động trung dài hạn khi cho vay bất động sản, hạ tầng, KCN và sản xuất mở rộng.

Cơ chế chuyển hóa thành lợi nhuận

01 Giảm ràng buộc kỳ hạn vốn
Bảng cân đối linh hoạt hơn với tín dụng trung dài hạn



02 Tiết giảm chi phí vốn biên
Không phải cạnh tranh huy động dài hạn quá mạnh



03 Ổn định NIM
Biên lãi ròng được bảo vệ trong chu kỳ tăng trưởng tín dụng



04 Mở rộng tín dụng sinh lời
Tập trung phân khúc có nhu cầu vốn dài và ROA tốt

Tác động không đồng đều: ngân hàng có CASA cao + CoF thấp + LDR tốt + room tín dụng còn dư địa sẽ hưởng lợi rõ hơn.

TRẦN VỐN NGẮN HẠN CHO VAY TRUNG DÀI HẠN TĂNG LÊN 40% (2/2)



Theo Điều 16 TT22/2019, cập nhật bởi TT25/2026: trần tỷ lệ tăng từ 30% lên 40% kể từ 01/07/2026

$$A (\%) = \frac{B}{C} \times 100\%$$

$\leq 40\%$

A
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn.

B = Dư nợ TDH – Nguồn vốn TDH
Phần dư nợ trung dài hạn chưa được tài trợ bằng nguồn vốn trung dài hạn; đây là phần "sử dụng" từ nguồn ngắn hạn.

C = Nguồn vốn ngắn hạn
Số dư có thời hạn còn lại đến 01 năm, bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và một số nguồn huy động/vay ngắn hạn theo quy định.

Tác động chính sách
Trần 30% → 40% giúp ngân hàng có thêm dư địa tài trợ trung dài hạn mà không phải tăng mạnh huy động kỳ hạn dài/GTCC.

Hàm ý phân hóa
Ngân hàng có CASA cao, CoF thấp và room tín dụng còn dư địa sẽ chuyển hóa chính sách thành NIM/lợi nhuận tốt hơn.

Lưu ý

Nếu B tăng nhanh hơn C, tỷ lệ sẽ tăng; nếu ngân hàng tăng nguồn vốn TDH hoặc giảm cho vay TDH, tỷ lệ sẽ giảm. TT25/2026 chỉ nâng trần, không xóa yêu cầu quản trị lịch kỳ hạn và thanh khoản.

Cân bằng tốt giữa chi phí vốn thấp, CASA cao, NIM và khả năng tăng trưởng tín dụng

VCB

2,4%	32,6%	2,9%	+10,0%
Cp vốn	CASA	NIM	Tín dụng

Hưởng lợi trực tiếp từ chính sách nới LDR nhờ lợi thế tiền gửi KBNN, CASA cao nhất nhóm và chi phí vốn thấp vượt trội; nền tảng chất lượng tài sản tốt giúp VCB có thêm dư địa mở rộng tín dụng an toàn, duy trì vai trò phòng thủ nhưng vẫn cải thiện tăng trưởng lợi nhuận trong giai đoạn tới.

Phòng thủ + LDR

MBB

3,7%	32,3%	4,9%	+32,5%
Cp vốn	CASA	NIM	Tín dụng

Hưởng lợi nổi bật nhờ kết hợp giữa CASA cao, chi phí vốn cạnh tranh, NIM tốt và khả năng tăng trưởng tín dụng mạnh; chính sách nới thanh khoản giúp MBB có thêm dư địa chuyển hóa lợi thế huy động thành tăng trưởng lợi nhuận, đặc biệt ở các phân khúc khách hàng doanh nghiệp, bán lẻ và hệ sinh thái quân đội.

Tăng trưởng + chất lượng

CTG

3,3%	24,1%	2,9%	+15,0%
Cp vốn	CASA	NIM	Tín dụng

Hưởng lợi trực tiếp từ chính sách nới LDR và vai trò ngân hàng chủ lực trong tài trợ các dự án lớn; chi phí vốn thấp giúp CTG có dư địa cải thiện tăng trưởng tín dụng và duy trì lợi nhuận ổn định trong giai đoạn tới.

Hưởng lợi + dư địa tăng trưởng

Ngân hàng vẫn phải tự thẩm định dự án, quản trị rủi ro vốn và chịu trách nhiệm chất lượng tín dụng

01

Chi phí vốn cao

Các ngân hàng CASA thấp và CoF cao có thể bị bào mòn lợi ích từ tăng tín dụng.

02

Chất lượng tài sản

Tín dụng tăng nhanh vào dự án dài hạn làm rủi ro nợ xấu lộ rõ nếu dòng tiền dự án chậm.

03

Tiến độ chính sách

Cơ chế loại trừ room phụ thuộc danh mục dự án, hồ sơ tín dụng và mốc triển khai thực tế.

04

Phản ánh vào giá

Cổ phiếu đã tăng trước thông tin có thể hạn chế upside ngắn hạn.

Các yếu tố cần theo dõi sau chính sách

Room tín dụng thực tế được giao • CoF • NIM quý tới • Tốc độ tăng nợ nhóm 2/nợ xấu • Danh mục dự án được loại trừ room • Dòng tiền vào nhóm cổ phiếu ngân hàng

18 DỰ ÁN ĐƯỢC LOẠI TRỪ DƯ NỢ KHI TÍNH ROOM TÍN DỤNG



TỔNG VỐN HUY ĐỘNG
752.138

APEC
169.724

PPP
162.302

ĐƯỜNG SẮT TGD
212.330

CHKQT GIA BÌNH
207.782

TT	Nhóm Tên dự án	Vốn HĐ
1	APEC Trung tâm tổ chức hội nghị APEC	20.024
2	APEC Đầu tư mở rộng Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc	50.448
3	APEC Khu đô thị hỗn hợp - Bãi Đất Đỏ	81.120
4	APEC Khu đô thị hỗn hợp du lịch sinh thái Núi Ông Quán	15.453
5	APEC Tuyến tàu điện đô thị đoạn 1	2.679
6	PPP Khu Liên hợp Thể dục thể thao Quốc gia Rạch Chiềc	116.503
7	PPP Đường kết nối sân bay Gia Bình với Thủ đô Hà Nội - đoạn qua TP Hà Nội	24.475
8	PPP Đường kết nối sân bay Gia Bình với Thủ đô Hà Nội - đoạn qua Bắc Ninh	21.324
9	ĐS Đường sắt Bến Thành - Cần Giờ	87.066

TT	Nhóm Tên dự án	Vốn HĐ
10	ĐS Đường sắt Hà Nội - Quảng Ninh	125.265
11	GB Dự án CHKQT Gia Bình	112.998
12	GB Đài kiểm soát không lưu ATC	1.583
13	GB BT1 - Đường kết nối sân bay	3.221
14	GB BT2 - Khu tái định cư	8.990
15	GB BT3 - Các công trình hoàn trả hạ tầng	7.544
16	GB Dự án đối ứng BT1	19.679
17	GB Dự án đối ứng BT2	25.935
18	GB Dự án đối ứng BT3	27.832

CASA		CHI PHÍ VỐN		LỢI SUẤT TSSL		NIM		VNHCVTDH		LDR Q1/2026		TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG so sánh 2025 và TTD Q1/2026			
Mã	Giá trị	Mã	Giá trị	Mã	Giá trị	Mã	Giá trị	Mã	Giá trị	Mã	Giá trị	Mã	TTTD 2025	TTTD YTD 2026	Dự báo 2026
VCB	32,6%	VCB	2,4%	VPB	10,2%	VPB	5,7%	MBB	29,0%	ABB	54%	NVB	40,20%	16,50%	35,00%
MBB	32,3%	CTG	3,3%	HDB	9,9%	MBB	4,9%	OCB	29,0%	NAB	57%	HDB	27,00%	8,00%	35,00%
TCB	31,5%	BID	3,4%	BAB	9,9%	HDB	4,9%	VPB	28,3%	PGB	58%	VPB	17,90%	10,20%	34,00%
MSB	25,5%	MBB	3,7%	KLB	9,4%	MSB	4,2%	BVB	27,5%	VBB	65%	MBB	24,50%	3,20%	32,50%
CTG	24,1%	TCB	3,7%	VAB	9,3%	KLB	4,2%	BID	27,1%	BVB	66%	PGB	15,80%	-5,50%	31,00%
ACB	21,2%	MSB	3,7%	OCB	8,9%	TCB	4,2%	TCB	26,9%	MSB	69%	VBB	16,00%	2,70%	23,60%
BID	19,5%	ACB	4,1%	ABB	8,8%	OCB	3,8%	STB	26,2%	OCB	71%	BVB	18,00%	2,10%	23,60%
TPB	17,5%	PGB	4,2%	LPB	8,8%	STB	3,6%	BAB	26,0%	HDB	72%	NAB	18,30%	1,80%	21,00%
PGB	16,0%	EIB	4,4%	MBB	8,8%	LPB	3,5%	EIB	26,0%	SGB	72%	MSB	17,70%	3,80%	18,00%
STB	15,9%	STB	4,5%	BVB	8,7%	TPB	3,5%	ABB	25,9%	VAB	73%	SSB	20,10%	0,50%	17,00%
VIB	13,9%	VIB	4,6%	TPB	8,7%	VIB	3,5%	MSB	25,8%	SSB	73%	EIB	19,70%	2,40%	16,50%
EIB	13,4%	OCB	4,8%	MSB	8,6%	ACB	3,4%	CTG	25,7%	TPB	73%	ACB	19,10%	3,20%	16,00%
VPB	13,1%	TPB	4,9%	NAB	8,6%	VAB	3,2%	VIB	25,0%	BAB	74%	BID	15,50%	2,50%	15,50%
OCB	10,7%	HDB	4,9%	VBB	8,4%	ABB	3,1%	ACB	24,9%	NVB	75%	OCB	19,50%	2,60%	15,00%
HDB	10,2%	VPB	5,0%	SHB	8,3%	SHB	3,1%	NAB	23,9%	KLB	75%	CTG	16,80%	1,80%	15,00%
SSB	9,1%	ABB	5,0%	STB	8,2%	NAB	3,0%	SHB	23,6%	SHB	79%	VIB	21,50%	-5,80%	15,00%
ABB	7,7%	SSB	5,0%	VIB	8,1%	VCB	2,9%	HDB	22,9%	LPB	79%	VAB	15,50%	2,30%	14,50%
SGB	7,5%	NVB	5,1%	ACB	7,8%	CTG	2,9%	PGB	21,3%	EIB	83%	SHB	17,20%	2,10%	13,11%
NVB	7,5%	LPB	5,2%	TCB	7,7%	SSB	2,9%	SGB	21,1%	STB	83%	TCB	21,70%	3,60%	12,00%
BVB	6,9%	KLB	5,2%	SSB	7,7%	BVB	2,9%	VBB	18,5%	CTG	84%	KLB	16,80%	2,30%	12,00%
SHB	6,6%	NAB	5,2%	SGB	7,4%	PGB	2,7%	NVB	10,4%	ACB	84%	STB	11,70%	0,10%	12,00%
LPB	6,5%	SGB	5,2%	EIB	7,2%	EIB	2,7%	LPB	—	VIB	85%	LPB	20,40%	2,90%	11,70%
KLB	5,9%	SHB	5,3%	NVB	7,0%	BAB	2,5%	SSB	—	VCB	85%	TPB	20,20%	2,50%	11,70%
NAB	5,9%	VAB	5,3%	PGB	6,9%	BID	2,3%	TPB	—	BID	85%	VCB	13,90%	4,80%	10,00%
VAB	4,7%	BVB	5,3%	CTG	6,2%	SGB	2,3%	VAB	—	MBB	86%	BAB	9,20%	2,50%	10,00%
VBB	3,3%	VBB	5,4%	BID	5,9%	VBB	2,3%	VCB	—	TCB	88%	ABB	7,50%	-5,50%	9,00%
BAB	3,1%	BAB	6,3%	VCB	5,3%	NVB	1,9%	KLB	—	VPB	107%	SGB	9,40%	0,60%	8,84%

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán OCBS, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán OCBS. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7770 1212

Website: <https://ocbs.com.vn/>

Phòng phân tích

Email: research@ocbs.com.vn



THANK YOU